TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28/7/2020
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Ngoan

2. Bà Phan Hoàng Mai

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Ngọc Ký - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hữu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 751/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 167/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Chế Thị Cẩm L, sinh năm 1986

Cư trú: Số 57/10 đường A, Tổ 12, khóm TH, phường MT, thành phố LX, tỉnh AG (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1979

Hộ khẩu thường trú: Số 57/10 đường A, Tổ 12, khóm TH, phường MT, thành phố LX, tỉnh AG.

Chỗ ở hiện nay: Số 72, Tổ 3, ấp AT, xã HA, huyện CM, tỉnh AG (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 10 năm 2019, trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Chế Thị Cẩm L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Bà Chế Thị Cẩm L và ông Nguyễn Văn G kết hôn vào năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

xã HA, huyện CM, tỉnh AG. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2019 thì ly thân cho đến nay. Nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong đời sống hôn nhân, ông G không quan tâm chăm sóc gia đình, lo ăn chơi, cờ bạc, không lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, bà L không còn yêu thương gì đối với ông G, nên yêu cầu Tòa án xem xét cho bà được ly hôn với ông G. Theo ý kiến trình bày của ông G mong muốn đoàn tụ gia đình nhưng bà L không đồng ý.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian sống chung, bà L và ông G có hai con chung là Nguyễn Thị Xuân A, sinh ngày 05/6/2005 và Nguyễn Văn Tuấn A, sinh ngày 29/7/2013. Hiện tại hai con đang sống chung với bà L, bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông G cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung: Bà L và ông G tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L và ông G không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản khai ngày 09 tháng 7 năm 2020, ông Nguyễn Văn G trình bày: Bản thân ông còn yêu thương vợ con, muốn hàn gắn mâu thuẫn, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Chế Thị Cẩm L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông G. Bà L không đồng ý yêu cầu đoàn tụ gia đình theo yêu cầu trình bày của ông G. Về con chung, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung, bà L và ông G tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, giữa bà và ông G không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn G trình bày: Bản thân ông G còn thương yêu vợ con, muốn hàn gắn gia đình cùng nhau xây dựng cho hai con. Ông G xác định mâu thuẫn vợ chồng không đến mức phải ly hôn, vợ chồng có lời qua tiếng lại, ông tự ý bỏ nhà ra đi và vợ chồng đã ly thân hơn một năm nay. Trong thời gian sống chung bản thân ông có tham gia đá gà, đánh bạc tại địa phương nhưng ông đã nhìn nhận lỗi lầm, mong muốn bà L tha thứ và đoàn tụ gia đình. Riêng yêu cầu nuôi con chung thì ông G đồng ý giao hai con chung cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng theo khả năng kinh tế của bản thân vì hiện nay ông đang làm thuê, thu nhập không ổn định. Tuy nhiên, bà L không yêu cầu nên ông G không cấp dưỡng nuôi con chung, nếu sau này có điều kiện kinh tế khá giả thì cấp dưỡng nuôi hai con chung. Về tài sản chung giữa vợ chồng có tài sản chung nhưng đã giao cho bà L được toàn quyền quyết định và sang tên tài sản cho bà L nên đồng ý thỏa thuận. Về nợ chung giữa vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương

sự, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt, vắng mặt của đương sự tại phiên tòa. Về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có trong hồ sơ vụ án: Bà L và ông G tự nguyện tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong đời sống vợ chồng, đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, bà L vẫn kiên quyết xin ly hôn với ông G mặc dù được Tòa án tạo điều kiện hòa giải. Riêng đối với ông G không đồng ý ly hôn với bà L nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm giữa hai bên mặc dù suốt trong quá trình giải quyết vụ án cũng đã được tạo điều kiện. Xét thấy, hiện tại mục đích của hôn nhân giữa bà L, ông G là không đạt được, không thể tiếp tục thực hiện tình nghĩa vợ chồng theo quy định Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, bà L yêu cầu ly hôn với ông G là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung, cháu Nguyễn Thị Xuân A, sinh ngày 05/6/2005 và Nguyễn Văn Tuấn A, sinh ngày 29/7/2013 hiện nay sống chung với mẹ là bà L, hai con chung có ý kiến xin được ở cùng với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy, hiện nay hai cháu đang sinh sống ổn định với mẹ là bà L, ông G cũng đồng ý giao hai cháu cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng nên giao hai cháu cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo ổn định về tinh thần và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà L không yêu cầu ông G không cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét đến.

Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét đến.

Về án phí, nguyên đơn phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà L và ông G có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông G; ông G hiện đang cư trú trên địa bàn thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Nên căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà L

và ông G là "tranh chấp ly hôn" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho bà Chế Thị Cẩm L, ông Nguyễn Văn G. Tại phiên tòa, bà L và ông G có mặt. Do đó, áp dụng Điều 227 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[3] Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án: Bà Chế Thị Cẩm L và ông Nguyễn Văn G trên cơ sở tự nguyện của cả hai, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HA, huyện CM, tỉnh AG theo Giấy chứng nhận kết hôn số 77/2005 ngày 08 tháng 7 năm 2005, được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay, bà L và ông G phát sinh mâu thuẫn, bà L xin ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2019 thì ly thân cho đến nay. Nguyên nhân, do ông G không quan tâm chăm sóc vợ con, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Trong thời gian sống chung bà L luôn tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng, hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông G, ông G yêu cầu đoàn tụ gia đình nhưng bà L không đồng ý.

[5] Xét, hôn nhân giữa bà L và ông G mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Hiện nay, bà L không còn tình cảm với ông G, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn và chăm lo hạnh phúc gia đình, chăm lo con cái. Tuy nhiên, ông G yêu cầu đoàn tụ gia đình vì còn yêu thương vợ con, không mong muốn gia đình tan vỡ, con không có đầy đủ cha mẹ nhưng bà L không đồng ý, kiên quyết ly hôn. Nhận thấy, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng vợ chồng đã ly thân từ tháng 10 năm 2019. Tại phiên tòa hôm nay, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nên không có căn cứ xét yêu cầu của ông G. Do đó, căn cứ vào Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà L được ly hôn với ông G.

[6] Về quan hệ con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Thị Xuân A, sinh ngày 05/6/2005 và Nguyễn Văn Tuấn A, sinh ngày 29/7/2013. Hiện nay, hai con chung đang sống ổn định với bà L, được bà L chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt, nguyện vọng của cháu Xuân A, Tuấn A mong muốn sống chung với bà L. Việc cháu Xuân A, Tuấn A sống chung với bà L, ông G đồng ý, không có ý kiến tranh chấp. Do đó, xét cần thiết phải giao hai con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng, bà L không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con chung, ông

G thống nhất nên không xem xét, nếu có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác (nếu có).

[7] Về tài sản chung: Bà L yêu cầu tự thỏa thuận với ông G, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông G thống nhất và không có ý kiến cung cấp cho Tòa án về vấn đề này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung: Bà L và ông G thống nhất không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[9] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà L nộp tiền án phí theo quy định pháp luật, ông G không nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Điều 8, Điều 9, Điều 19, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 179; Điều 227, Điều 233, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chế Thị Cẩm L được ly hôn với ông Nguyễn Văn G.

Về quan hệ con chung: Bà Chế Thị Cẩm L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Thị Xuân A, sinh ngày 05/6/2005 và Nguyễn Văn Tuấn A, sinh ngày 29/7/2013. Ông Nguyễn Văn G không cấp dưỡng nuôi con chung do bà L không yêu cầu. Bà L phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông G được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Về quan hệ tài sản chung: Bà Chế Thị Cẩm L và ông Nguyễn Văn G tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Bà L và ông G không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Chế Thị Cẩm L nộp số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng

án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005838 ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Bà Chế Thị Cẩm L, ông Nguyễn Văn G được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án)

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND TPLX;
-Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Phương